

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA QCVN 03:202x/BCA PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

(Phục vụ hồ sơ dự thảo thay thế QCVN 03:2023/BCA)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU BAN HÀNH QCVN 03:202x/BCA

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Việc xây dựng QCVN 03:202x/BCA được thực hiện trên cơ sở các chủ trương, chính sách và văn bản pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số, gồm:

- Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 và hồ sơ dự kiến sửa đổi, bổ sung Điều 44;
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 78/2025/QH15;
- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ và hồ sơ sửa đổi, bổ sung Điều 23 theo hướng bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép lưu thông, chuyển sang kê khai thông tin và hậu kiểm;
- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 125/2026/TT-BCA ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an;

- Công văn số 6135/VPCP-CĐS ngày 27/6/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc khẩn trương sửa đổi Nghị định số 105/2025/NĐ-CP theo hướng bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép lưu thông;

- Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

- Chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, quản lý chất lượng theo mức độ rủi ro và tăng cường ứng dụng dữ liệu số.

2. Sự cần thiết ban hành quy chuẩn

2.1. Thay đổi căn bản của cơ chế quản lý chất lượng phương tiện PCCC, CNCH

QCVN 03:2023/BCA được xây dựng trong bối cảnh phương tiện PCCC được kiểm định bắt buộc trước lưu thông. Từ ngày 01/7/2025, pháp luật PCCC và CNCH chuyển sang cơ chế cấp phép lưu thông; sau đó, theo chủ trương tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cơ chế cấp phép lưu thông được định hướng bãi bỏ, thay bằng đánh giá sự phù hợp, kê khai thông tin và hậu kiểm. Do đó, các quy định của QCVN 03:2023/BCA về kiểm định, lấy mẫu theo lô và giấy chứng nhận kiểm định không còn phù hợp với cơ chế quản lý mới.

Dự thảo QCVN 03:202x/BCA phải bảo đảm không tạo khoảng trống quản lý sau khi bãi bỏ cấp phép lưu thông; đồng thời chuyển trọng tâm từ thẩm định hồ sơ trước lưu thông sang trách nhiệm bảo đảm chất lượng của tổ chức, cá nhân, đánh giá sự phù hợp, truy xuất nguồn gốc và kiểm tra sau lưu thông.

2.2. Quản lý chất lượng theo mức độ rủi ro

Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa sửa đổi năm 2025 chuyển từ mô hình quản lý chung đối với sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn sang phân loại rủi ro thấp, trung bình và cao. Thông tư số 125/2026/TT-BCA phân loại phương tiện PCCC, CNCH thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an thành nhóm rủi ro trung bình và nhóm rủi ro cao. Việc phân loại này đòi hỏi QCVN phải quy định phương thức đánh giá sự phù hợp tương ứng, bảo đảm mức độ quản lý tỷ lệ thuận với nguy cơ gây mất an toàn.

2.3. Cập nhật phạm vi phương tiện và hệ thống yêu cầu kỹ thuật

Thực tiễn sản xuất, nhập khẩu và sử dụng đã xuất hiện nhiều phương tiện, chất chữa cháy và bộ phận hệ thống chưa được quy định trong QCVN 03:2023/BCA. Đồng thời, một số phương tiện đang có trong QCVN hiện hành không còn thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa rủi ro trung bình hoặc rủi ro cao do Bộ Công an quản lý. Vì vậy, cần đồng thời bổ sung đối tượng mới, cập nhật đối tượng đang quản lý và loại bỏ đối tượng không còn thuộc phạm vi quản lý.

Nhiều tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế được viện dẫn đã có phiên bản mới; một số phương pháp thử và tiêu chuẩn sản phẩm mới đã được sử dụng trong thực tiễn đánh giá sự phù hợp nhưng chưa được cập nhật. Dự thảo mới cần loại bỏ tài liệu không còn phù hợp, cập nhật phiên bản mới và phân biệt rõ tài liệu viện dẫn bắt buộc với tài liệu tham khảo.

2.4. Khắc phục bất cập trong thử nghiệm và đánh giá kết quả

QCVN 03:2023/BCA chưa phân định đầy đủ giữa đánh giá ban đầu, đánh giá giám sát và kiểm tra nhà nước; một số phép thử già hóa, bền lâu hoặc phá hủy có thể bị áp dụng lặp lại không cần thiết. Quy định về tính đại diện của mẫu, đánh giá kết quả, thử nghiệm lại, xử lý kết quả không hợp lệ, thay đổi sản phẩm, lưu giữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc còn thiếu hoặc chưa rõ. Đây là những nội dung cần được chuẩn hóa theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 và quy định mới về đánh giá sự phù hợp.

2.5. Yêu cầu minh bạch hóa và hội nhập quốc tế

Phương tiện PCCC, CNCH được sản xuất, nhập khẩu theo nhiều hệ thống tiêu chuẩn khác nhau. Dự thảo cần tạo cơ sở sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo pháp luật, đồng thời bảo đảm minh bạch theo Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của WTO. Dự thảo đã được thông báo theo mã G/TBT/N/VNM/400; trường hợp có thay đổi đáng kể về phạm vi, cơ chế quản lý và tiến độ ban hành, cần cập nhật thông báo TBT trước khi hoàn tất thủ tục ban hành.

3. Mục tiêu ban hành quy chuẩn

- **Bảo đảm an toàn:** Quy định yêu cầu kỹ thuật bắt buộc đối với phương tiện thuộc phạm vi quản lý, hạn chế nguy cơ phương tiện không hoạt động hoặc hoạt động không đạt yêu cầu khi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố.

- **Bảo đảm tính hợp pháp và đồng bộ:** Thể chế hóa cơ chế quản lý chất lượng theo mức độ rủi ro, đánh giá sự phù hợp, kê khai thông tin và hậu kiểm; bảo đảm thống nhất với pháp luật PCCC, CNCH, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- **Cải cách thủ tục hành chính:** Bãi bỏ nội dung gắn với kiểm định và cấp phép lưu thông; giảm thời gian, chi phí hành chính; tăng trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- **Nâng cao hiệu quả quản lý:** Tăng cường truy xuất nguồn gốc, quản lý bằng dữ liệu, giám sát theo rủi ro, lấy mẫu hậu kiểm và xử lý sản phẩm không phù hợp.

- **Thúc đẩy hội nhập quốc tế:** hài hòa yêu cầu kỹ thuật với tiêu chuẩn quốc tế, nước ngoài; tạo điều kiện sử dụng, thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo pháp luật và các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau.

II. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI THAY ĐỔI SO VỚI QCVN 03:2023/BCA

1. Thay đổi về phạm vi và đối tượng áp dụng

Nội dung	QCVN 03:2023/BCA	Dự thảo QCVN 03:202X/BCA	Đánh giá thay đổi
Phạm vi điều chỉnh	Yêu cầu kỹ thuật và quản lý hoạt động kiểm định phương tiện PCCC trước lưu thông.	Yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu quản lý đối với phương tiện PCCC, CNCH được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, lưu thông và sử dụng tại Việt Nam.	Mở rộng đầy đủ vòng đời sản phẩm; bỏ cơ chế quản lý gắn với kiểm định.
Đối tượng áp dụng	Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; tổ chức kiểm định; cơ quan quản lý liên quan.	Tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng; cơ quan quản lý chất lượng; tổ chức đánh giá sự phù hợp.	Bổ sung doanh nghiệp kinh doanh, người sử dụng và tổ chức đánh giá sự phù hợp.
Nguyên tắc xác định phương tiện	Chủ yếu căn cứ danh mục và tên sản phẩm.	Căn cứ tên gọi, công dụng, đặc tính kỹ thuật và mô tả tại mục 1.4 và Phần 2; sản phẩm có nhiều chức năng phải đáp ứng yêu cầu tương ứng.	Làm rõ trách nhiệm phân loại và xử lý sản phẩm đa chức năng.
Tiêu chuẩn áp dụng	Tập trung đánh giá theo chỉ tiêu QCVN.	Cho phép đánh giá theo QCVN hoặc tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực, nước ngoài theo pháp luật; không áp dụng đồng thời chỉ tiêu Phần 2 khi lựa chọn đánh giá theo tiêu chuẩn khác.	Tăng tính linh hoạt và tránh thử nghiệm trùng lặp.

2. Thay đổi về yêu cầu kỹ thuật

Phần 2 của dự thảo quy định yêu cầu kỹ thuật đối với 57 loại phương tiện PCCC, CNCH và 01 nhóm yêu cầu kỹ thuật chung đối với các bộ phận sử dụng đường truyền vô tuyến, với tổng số 483 chỉ tiêu kỹ thuật.

Nhóm thay đổi	Số lượng	Tỷ lệ	Nội dung chính
Phương tiện bổ sung mới	25/57 loại; 150/483 chỉ tiêu	43,9% số loại; 31,2% số chỉ tiêu	Bổ sung bình bột vỏ xốp, bình chữa cháy mini, một số chất khí/chai khí chữa cháy, đầu báo cháy video, bình chứa chất rắn tạo sol-khí, đầu phun bột và các nhóm đầu phun sương.
Phương tiện đã có được soát xét	32/57 loại; 326/483 chỉ tiêu	56,1% số loại; 67,4% số chỉ tiêu	123 chỉ tiêu giữ nguyên hoặc chỉnh lý hình thức; 159 chỉ tiêu sửa đổi, làm rõ; 44 chỉ tiêu bổ sung mới vào phương tiện đã có.
Yêu cầu chung về vô tuyến	07/483 chỉ tiêu	1,5% số chỉ tiêu	Tập trung hóa yêu cầu, tránh lặp lại tại từng loại thiết bị báo cháy.
Phương tiện loại khỏi phạm vi	09 loại; tương ứng 106/439 chỉ tiêu của QCVN hiện hành	Khoảng 24,1% số chỉ tiêu hiện hành	Loại bỏ các phương tiện không còn thuộc danh mục rủi ro trung bình, rủi ro cao do Bộ Công an quản lý; một số yêu cầu vô tuyến được chuyển thành yêu cầu chung.
Cập nhật tiêu chuẩn sản phẩm	10 loại phương tiện	-	Cập nhật trụ nước; bình chữa cháy xách tay, có bánh xe; chất tạo bột; đầu báo nhiệt; chai khí HFC-227ea, IG-100; đầu phun kín và hở.
Thuật ngữ, định nghĩa	38 thuật ngữ	-	Chuẩn hóa cách nhận dạng, phân loại sản phẩm và khái niệm phục vụ đánh giá sự phù hợp.

Dự thảo sử dụng tổng số 91 tài liệu, gồm 49 tài liệu viện dẫn và 42 tài liệu tham khảo. Trong đó, 49 tài liệu viện dẫn gồm 41 TCVN và 08 ISO; 42 tài liệu tham khảo gồm 12 TCVN, 11 ISO, 16 ASTM, 02 NFPA và 01 GB. Tính theo hệ tiêu chuẩn, toàn bộ tài liệu sử dụng gồm 53 TCVN, 19 ISO, 16 ASTM, 02 NFPA và 01 GB.

3. Thay đổi về quản lý chất lượng và đánh giá sự phù hợp

Nội dung	QCVN 03:2023/BCA	Dự thảo QCVN 03:202X/BCA
Cơ chế quản lý	Kiểm định bắt buộc, cấp giấy chứng nhận kiểm định trước lưu thông.	Đánh giá sự phù hợp, chứng nhận/công bố hợp quy, kê khai thông tin và hậu kiểm; không quy định cấp phép lưu thông.

Nội dung	QCVN 03:2023/BCA	Dự thảo QCVN 03:202X/BCA
Phân loại rủi ro	Không phân biệt phương thức theo mức độ rủi ro.	Phương tiện rủi ro trung bình áp dụng Phương thức 1; phương tiện rủi ro cao áp dụng Phương thức 5 hoặc phương thức 7.
Thử nghiệm	Thử theo chỉ tiêu và số lượng mẫu; còn gắn với kiểm định.	Thử đầy đủ chỉ tiêu bắt buộc khi đánh giá ban đầu; phòng thử nghiệm thực hiện các yêu cầu liên quan của TCVN ISO/IEC 17025:2017.
Lấy mẫu	Lấy mẫu theo loại phương tiện và lô kiểm định.	Mẫu phải đại diện; quy cách, số lượng và phân bố theo Phần 2, tài liệu viện dẫn; lưu hồ sơ nhận dạng, niêm phong, vận chuyển, bảo quản.
Đánh giá kết quả	Chưa quy định đầy đủ về trung bình mẫu, thay mẫu và thử lại.	Chỉ kết luận phù hợp khi tất cả chỉ tiêu bắt buộc đạt; không lấy trung bình hoặc thay mẫu không đạt; chỉ thử lại khi phương pháp cho phép hoặc kết quả trước không hợp lệ.
Giám sát	Chưa phân biệt rõ theo phương thức.	Chỉ thực hiện giám sát đối với Phương thức 5; không giám sát định kỳ đối với Phương thức 1, phương thức 7.
Thay đổi và sản phẩm không phù hợp	Chưa quy định hệ thống.	Đánh giá thay đổi thiết kế, vật liệu, linh kiện, phần mềm, thông số và quá trình sản xuất; đình chỉ, thu hẹp, hủy chứng nhận, thu hồi theo pháp luật.
Ghi nhãn, truy xuất	Ghi nhãn theo pháp luật và tiêu chuẩn; chưa liên kết đầy đủ với hồ sơ.	Nhãn phải cho phép truy xuất đến nhà sản xuất, cơ sở sản xuất, kiểu/mã hiệu, lô/sê-ri và hồ sơ đánh giá; quy định sử dụng dấu hợp quy.

4. Thay đổi về tổ chức thực hiện

Dự thảo bổ sung trách nhiệm trực tiếp của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu trong bảo đảm chất lượng trước lưu thông; trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp; trách nhiệm hướng dẫn, soát xét quy chuẩn của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH; đồng thời duy trì cơ chế tiếp nhận, xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHẠM VI ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Phương pháp đánh giá

Báo cáo sử dụng phương pháp so sánh giữa hai phương án:

- **Phương án 1:** Giữ nguyên QCVN 03:2023/BCA và tiếp tục áp dụng các quy định hiện hành.

- **Phương án 2:** Ban hành QCVN 03:202X/BCA thay thế QCVN 03:2023/BCA theo nội dung dự thảo hiện hành.

Việc đánh giá kết hợp phân tích pháp lý, đối chiếu nội dung kỹ thuật, phân tích chi phí - lợi ích định tính, đánh giá rủi ro và khả năng thực thi. Các số liệu định lượng được sử dụng gồm số loại phương tiện, số chỉ tiêu kỹ thuật, tỷ lệ sửa đổi, bổ sung và số lượng tài liệu tiêu chuẩn.

2. Nhóm đối tượng chịu tác động

- Cơ quan quản lý nhà nước về PCCC, CNCH, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quản lý thị trường;

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp phương tiện trong nước;

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, kinh doanh phương tiện;

- Tổ chức thử nghiệm, chứng nhận và các tổ chức đánh giá sự phù hợp;

- Người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng phương tiện PCCC, CNCH;

- Đối tác thương mại, tổ chức nước ngoài có kết quả đánh giá sự phù hợp được xem xét sử dụng tại Việt Nam.

3. Giới hạn của việc lượng hóa

Hiện chưa có bộ số liệu đầy đủ, thống nhất về số lượng hồ sơ cấp phép, chi phí thử nghiệm theo từng loại phương tiện, chi phí cơ hội do thời gian chờ và chi phí đầu tư của từng phòng thử nghiệm. Vì vậy, báo cáo không quy đổi toàn bộ tác động thành giá trị tiền tệ; các ước tính về tỷ lệ giảm chi phí chỉ mang tính sơ bộ và cần tiếp tục được kiểm chứng trong quá trình lấy ý kiến, triển khai và hậu kiểm.

IV. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHI TIẾT

1. Tác động đối với cơ quan quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

- Tạo nền tảng pháp lý đồng bộ để quản lý chất lượng theo mức độ rủi ro sau khi bãi bỏ kiểm định và cấp phép lưu thông.

- Chuyển nguồn lực từ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trước lưu thông sang xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích rủi ro, lấy mẫu hậu kiểm và xử lý sản phẩm không phù hợp.

- Tăng khả năng truy xuất và xác định trách nhiệm thông qua thông tin nhà sản xuất, cơ sở sản xuất, kiểu/mã hiệu, lô hoặc số sê-ri và hồ sơ đánh giá sự phù hợp.

- Phương thức 1, Phương thức 5, Phương thức 7 tạo mức độ kiểm soát khác nhau tương ứng với nhóm rủi ro trung bình và rủi ro cao, hạn chế áp dụng đồng loạt một cơ chế quản lý.

- Quy định rõ điều kiện thử nghiệm lại, xử lý kết quả không hợp lệ, thay đổi sản phẩm và giám sát, giúp giảm tranh chấp và tăng tính nhất quán khi kiểm tra.

1.2. Chi phí và thách thức cần quản lý

- Cần nâng cấp cơ sở dữ liệu để tiếp nhận kê khai, liên kết kết quả đánh giá sự phù hợp, phục vụ phân tích rủi ro và truy xuất nguồn gốc.

- Cán bộ quản lý phải được đào tạo về chứng nhận hợp quy, phương thức đánh giá, kiểm tra phạm vi công nhận của tổ chức nước ngoài và kỹ thuật lấy mẫu hậu kiểm.

- Khối lượng hậu kiểm, xác minh chứng nhận và xử lý vi phạm có thể tăng trong giai đoạn đầu do không còn khâu cấp phép trước lưu thông.

- Cần phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan PCCC, cơ quan quản lý chất lượng, hải quan, quản lý thị trường và cơ quan công nhận để tránh chồng chéo hoặc bỏ sót.

Đánh giá tổng thể: Tác động tích cực rõ rệt và dài hạn. Chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí chuyển đổi phương thức quản lý, có thể kiểm soát thông qua lộ trình, số hóa hồ sơ và kế hoạch hậu kiểm dựa trên rủi ro.

2. Tác động đối với doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp trong nước

2.1. Tác động tích cực

- Không phải thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép lưu thông; giảm thời gian chờ, chi phí lập và sửa đổi hồ sơ hành chính.

- Phương tiện rủi ro trung bình áp dụng Phương thức 1, không thực hiện giám sát định kỳ; phương tiện rủi ro cao áp dụng Phương thức 5 gắn với đánh giá quá trình sản xuất, phù hợp với mức độ rủi ro; phương thức 7 gắn với phương tiện rủi ro cao nhập khẩu đơn lẻ.

- Không phải thử nghiệm lại đại trà toàn bộ chỉ tiêu cho từng lô; kết quả đánh giá được sử dụng trong phạm vi, thời hạn của phương thức tương ứng, trừ trường hợp thay đổi ảnh hưởng đến sự phù hợp hoặc hậu kiểm phát hiện rủi ro.

- Hệ thống yêu cầu kỹ thuật minh bạch hơn, cập nhật tiêu chuẩn mới, giúp doanh nghiệp định hướng thiết kế, kiểm soát nguyên liệu và phát triển sản phẩm.

- Ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc góp phần bảo vệ doanh nghiệp tuân thủ trước hàng giả, hàng nhái và hàng hóa không rõ nguồn gốc.

2.2. Chi phí và thách thức cần quản lý

- Doanh nghiệp sản xuất 25 loại phương tiện mới phải thực hiện đánh giá sự phù hợp lần đầu, chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật, mẫu thử và điều chỉnh nhãn.

- Các doanh nghiệp đang sản xuất 32 loại phương tiện hiện có phải rà soát 159 chỉ tiêu được sửa đổi, làm rõ và 44 chỉ tiêu bổ sung mới; một số sản phẩm có thể phải thay đổi thiết kế, vật liệu hoặc quy trình.

- Doanh nghiệp có sản phẩm rủi ro cao phải duy trì điều kiện của Phương thức 5, thông báo thay đổi và chịu đánh giá giám sát.

- Chi phí ngắn hạn phát sinh đối với thử nghiệm phá hủy, thử cháy, phân tích khí hoặc thử môi trường có thể đáng kể đối với doanh nghiệp nhỏ.

Theo thuyết minh dự thảo, tổng chi phí thử nghiệm và tuân thủ của một số doanh nghiệp có thể giảm khoảng 70% đến 80% so với cơ chế cũ nhờ bãi bỏ cấp phép lưu thông, giảm thử nghiệm lặp lại và phân định mục đích thử nghiệm. Đây là ước tính sơ bộ; mức giảm thực tế phụ thuộc loại phương tiện, phương thức đánh giá và mức độ sẵn có của năng lực thử nghiệm.

3. Tác động đối với doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh

3.1. Tác động tích cực

- Bãi bỏ cấp phép lưu thông giúp rút ngắn thời gian đưa hàng hóa ra thị trường và giảm chi phí hành chính.

- Dự thảo cho phép đánh giá theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực hoặc nước ngoài theo pháp luật; tạo điều kiện sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức nước ngoài và hạn chế thử nghiệm trùng lặp.

- Mã HS được rà soát, cập nhật giúp giảm sai khác trong phân loại hàng hóa và hỗ trợ thủ tục hải quan.

- Yêu cầu truy xuất nguồn gốc, nhãn phụ và hồ sơ đánh giá rõ ràng tạo môi trường cạnh tranh minh bạch hơn.

3.2. Chi phí và thách thức cần quản lý

- Doanh nghiệp phải xác định đúng loại phương tiện, tiêu chuẩn áp dụng, phạm vi kết quả đánh giá và tư cách của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài.

- Chi phí dịch thuật, hợp pháp hóa hoặc xác minh hồ sơ có thể phát sinh đối với chứng nhận, báo cáo thử nghiệm và phạm vi công nhận của tổ chức nước ngoài.

- Việc kê khai, lưu giữ hồ sơ và bảo đảm truy xuất lô/sê-ri làm tăng yêu cầu quản trị dữ liệu, nhất là đối với doanh nghiệp nhập khẩu nhiều model.

- Nếu hướng dẫn về tiêu chuẩn tương đương và thừa nhận kết quả nước ngoài không thống nhất, có thể phát sinh chậm trễ và cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan.

4. Tác động đối với tổ chức thử nghiệm, chứng nhận và đánh giá sự phù hợp

4.1. Tác động tích cực

- Mở rộng nhu cầu thử nghiệm, chứng nhận đối với 25 loại phương tiện mới và các chỉ tiêu được bổ sung trong 32 loại phương tiện hiện có.
- Yêu cầu viện dẫn TCVN ISO/IEC 17025:2017 về phương pháp, thiết bị, liên kết chuẩn, xử lý mẫu, báo cáo và hồ sơ giúp chuẩn hóa chất lượng dịch vụ.
- Phân biệt Phương thức 1, Phương thức 5, Phương thức 7 tạo cơ sở tổ chức nguồn lực, lập kế hoạch đánh giá ban đầu và giám sát phù hợp.
- Khả năng sử dụng và thừa nhận kết quả nước ngoài thúc đẩy tổ chức trong nước mở rộng công nhận, tham gia thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và nâng cao năng lực cạnh tranh.

4.2. Chi phí và thách thức cần quản lý

- Cần đầu tư thiết bị, khu vực thử cháy, hệ thống đo thủy lực, thiết bị phân tích khí, buồng môi trường và thiết bị thử độ bền đối với các nhóm sản phẩm mới.
- Cần xây dựng hoặc mở rộng phạm vi công nhận, đào tạo nhân sự và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp tương đương.
- Một số phép thử có chi phí cao, tiêu hao nhiều mẫu hoặc yêu cầu hạ tầng chuyên biệt; trong giai đoạn đầu có thể phát sinh tình trạng năng lực trong nước chưa đồng đều.
- Tổ chức chứng nhận phải kiểm soát chặt phạm vi đại diện, thay đổi sản phẩm, hoạt động giám sát và xử lý chứng nhận khi sản phẩm không phù hợp.

5. Tác động đối với người dân và tổ chức sử dụng phương tiện

5.1. Tác động tích cực

- Yêu cầu kỹ thuật được cập nhật giúp tăng độ tin cậy của phương tiện khi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố; trực tiếp góp phần bảo vệ tính mạng, tài sản và hoạt động của công trình.
- Nhãn và thông tin truy xuất giúp người mua nhận biết nhà sản xuất, kiểu sản phẩm, lô/sê-ri và căn cứ đánh giá sự phù hợp.
- Bãi bỏ cấp phép lưu thông có thể rút ngắn thời gian cung ứng phương tiện cho công trình, cơ sở sản xuất và người dân.
- Hậu kiểm, thu hồi và xử lý sản phẩm không phù hợp tạo cơ chế bảo vệ người tiêu dùng trong suốt quá trình lưu thông.

5.2. Rủi ro cần kiểm soát

Khi chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, sản phẩm kê khai không trung thực hoặc sử dụng tài liệu đánh giá sự phù hợp không hợp lệ có thể lưu thông trước khi bị phát hiện. Đây là rủi ro có tác động cao đối với sản phẩm PCCC, CNCH. Cần kiểm soát

bằng xác minh điện tử, lấy mẫu hậu kiểm theo rủi ro, công khai sản phẩm bị đình chỉ/thu hồi và xử phạt đủ sức răn đe.

6. Tác động đối với thương mại quốc tế và thực hiện Hiệp định TBT

- Việc sử dụng 19 tiêu chuẩn ISO cùng các tiêu chuẩn ASTM, NFPA và GB trong hệ thống tài liệu viện dẫn, tham khảo làm tăng mức độ hài hòa và khả năng so sánh kết quả thử nghiệm.

- Bãi bỏ cấp phép lưu thông và cho phép sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp nước ngoài theo pháp luật góp phần giảm rào cản kỹ thuật và thời gian đưa hàng hóa nhập khẩu ra thị trường.

- Quy chuẩn vẫn phải bảo đảm nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa hàng hóa trong nước và hàng nhập khẩu, yêu cầu kỹ thuật không vượt quá mức cần thiết để đạt mục tiêu bảo vệ an toàn.

- Thông báo G/TBT/N/VNM/400 phản ánh chính sách mới về quy định đối với phương tiện PCCC, CNCH tại Việt Nam; trong quá trình soạn thảo, trường hợp có sửa đổi lớn, Ban soạn thảo gửi thông báo sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thích hợp và dành thời gian hợp lý để các thành viên WTO góp ý.

7. Các tác động khác

Dự thảo không tạo ra sự phân biệt trực tiếp theo giới, dân tộc, khu vực hoặc loại hình doanh nghiệp. Tác động môi trường trực tiếp không lớn; việc kiểm soát chất chữa cháy, độ kín, độ bền và truy xuất nguồn gốc có thể góp phần hạn chế rò rỉ, thải bỏ và sử dụng sản phẩm kém chất lượng. Việc giảm thử nghiệm trùng lặp cũng hạn chế tiêu hao mẫu và phát sinh chất thải thử nghiệm.

V. TỔNG HỢP VÀ SO SÁNH PHƯƠNG ÁN

1. Tổng hợp tác động theo nhóm đối tượng

Nhóm đối tượng	Tác động tích cực chính	Chi phí/rủi ro cần quản lý	Đánh giá tổng thể
Cơ quan quản lý	Đồng bộ pháp lý; quản lý theo rủi ro; giảm xử lý hồ sơ cấp phép; tăng truy xuất.	Đầu tư dữ liệu, đào tạo, tăng hậu kiểm và phối hợp liên ngành.	Tích cực rõ rệt; chi phí chuyển đổi có thể quản lý.
Doanh nghiệp sản xuất	Giảm thủ tục, giảm thử nghiệm lặp lại; tiêu chuẩn rõ hơn; bảo vệ cạnh tranh.	Đánh giá lần đầu cho 25 loại mới; cập nhật 203 chỉ tiêu sửa đổi/bổ sung trong nhóm sản phẩm đã có; giám sát Phương thức 5.	Lợi ích dài hạn lớn hơn chi phí ngắn hạn.

Nhóm đối tượng	Tác động tích cực chính	Chi phí/rủi ro cần quản lý	Đánh giá tổng thể
Doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh	Không cấp phép; sử dụng tiêu chuẩn/kết quả nước ngoài theo pháp luật; mã HS rõ hơn.	Xác minh chứng nhận, phạm vi công nhận; kê khai, nhãn và truy xuất.	Thuận lợi hơn nếu có hướng dẫn thống nhất.
Tổ chức đánh giá sự phù hợp	Mở rộng thị trường dịch vụ; chuẩn hóa theo ISO/IEC 17025; nâng cao năng lực.	Đầu tư thiết bị, nhân lực, phạm vi công nhận; phép thử chuyên biệt chi phí cao.	Tích cực, nhưng cần lộ trình đầu tư.
Người dân, người sử dụng	Tăng an toàn, minh bạch, truy xuất và khả năng thu hồi sản phẩm lỗi.	Rủi ro hàng không đạt lưu thông trước khi hậu kiểm phát hiện.	Tác động tích cực lớn nhất; phải hậu kiểm hiệu quả.
Thương mại quốc tế	Hài hòa tiêu chuẩn; giảm thử nghiệm trùng lặp; hỗ trợ MRA.	Phải cập nhật thông báo TBT và bảo đảm không phân biệt đối xử.	Tích cực nếu thực hiện đầy đủ nghĩa vụ minh bạch.

2. So sánh hai phương án

Tiêu chí	Phương án 1: Giữ QCVN 03:2023/BCA	Phương án 2: Ban hành QCVN 03:202x/BCA
Phù hợp pháp lý	Không còn phù hợp với cơ chế quản lý theo mức độ rủi ro và chủ trương bãi bỏ cấp phép lưu thông.	Phù hợp định hướng sửa đổi pháp luật và các văn bản quản lý chất lượng mới.
Phạm vi sản phẩm	Thiếu 25 loại phương tiện mới; vẫn bao gồm 09 loại không còn thuộc danh mục quản lý.	Quy định 57 loại phương tiện đúng phạm vi quản lý và 01 nhóm yêu cầu chung về vô tuyến.
Yêu cầu kỹ thuật	Một số tiêu chuẩn, phương pháp và mức yêu cầu đã cũ hoặc chưa rõ.	483 chỉ tiêu được rà soát, cập nhật; phân định rõ yêu cầu, phương pháp và mẫu.

Tiêu chí	Phương án 1: Giữ QCVN 03:2023/BCA	Phương án 2: Ban hành QCVN 03:202x/BCA
Đánh giá sự phù hợp	Gắn với kiểm định và giấy chứng nhận kiểm định.	Phương thức 1 cho rủi ro trung bình; Phương thức 5 và phương thức 7 cho rủi ro cao; chứng nhận/công bố hợp quy.
Chi phí hành chính	Duy trì thủ tục và cách quản lý không còn phù hợp.	Bỏ cấp phép lưu thông; chuyển sang kê khai và hậu kiểm.
Hội nhập quốc tế	Khả năng sử dụng kết quả nước ngoài và tiêu chuẩn khác chưa đầy đủ.	Cho phép lựa chọn tiêu chuẩn phù hợp và thừa nhận kết quả theo pháp luật.
Quản lý dữ liệu, truy xuất	Chưa quy định đầy đủ.	Liên kết sản phẩm, lô/sê-ri, nhà sản xuất và hồ sơ đánh giá.
Đánh giá chung	Không khuyến nghị.	Khuyến nghị lựa chọn; lợi ích tổng thể vượt trội.

3. Phân tích chi phí - lợi ích tổng thể

Lợi ích quan trọng nhất của dự thảo là giảm xác suất phương tiện không bảo đảm chất lượng được sử dụng trong tình huống khẩn cấp, qua đó bảo vệ tính mạng, tài sản và hoạt động của công trình. Lợi ích này khó quy đổi thành tiền nhưng có giá trị xã hội rất lớn.

Lợi ích kinh tế trực tiếp gồm giảm thủ tục cấp phép, giảm thời gian chờ, hạn chế thử nghiệm lặp lại, tạo điều kiện sử dụng kết quả nước ngoài và nâng cao tính minh bạch của thị trường. Chi phí chủ yếu là đánh giá lần đầu đối với sản phẩm mới, đầu tư năng lực thử nghiệm, nâng cấp cơ sở dữ liệu và tăng cường hậu kiểm.

Xét toàn bộ vòng đời của quy chuẩn, chi phí chuyển đổi tập trung trong giai đoạn đầu, trong khi lợi ích về giảm thủ tục, chuẩn hóa chất lượng, truy xuất và an toàn được duy trì lâu dài. Vì vậy, phương án ban hành QCVN 03:202x/BCA có lợi ích tổng thể cao hơn phương án giữ nguyên QCVN 03:2023/BCA.

VI. RỦI RO PHÁT SINH VÀ GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU

Rủi ro	Khả năng	Mức tác động	Biện pháp kiểm soát	Chủ thể chính
Kê khai không trung thực; sản phẩm không phù hợp vẫn lưu thông	Trung bình	Cao	Đối chiếu dữ liệu; hậu kiểm theo rủi ro; lấy mẫu thử; đình chỉ, thu hồi và xử phạt.	Cơ quan quản lý; doanh nghiệp

Rủi ro	Khả năng	Mức tác động	Biện pháp kiểm soát	Chủ thể chính
Sử dụng chứng nhận/báo cáo thử nghiệm giả hoặc ngoài phạm vi	Trung bình	Cao	Xác minh trực tuyến; kiểm tra tư cách tổ chức công nhận, phạm vi ISO/IEC 17025 hoặc ISO/IEC 17065; lưu dấu vết xác minh.	Cơ quan quản lý; tổ chức chứng nhận
Năng lực thử nghiệm trong nước chưa đáp ứng một số sản phẩm mới	Trung bình	Trung bình - cao	Lộ trình tối thiểu 06 tháng; mở rộng phạm vi công nhận; đào tạo; sử dụng kết quả nước ngoài theo pháp luật.	Phòng thử nghiệm; cơ quan quản lý
Phân loại sản phẩm hoặc lựa chọn tiêu chuẩn không thống nhất	Trung bình	Trung bình	Hướng dẫn nhận dạng; công khai ví dụ; cơ chế trao đổi nghiệp vụ; cập nhật cơ sở dữ liệu sản phẩm.	Cục Cảnh sát PCCC và CNCH
Cơ sở dữ liệu kê khai, truy xuất chưa hoàn thiện	Trung bình	Trung bình	Nâng cấp hệ thống hiện có; chuẩn hóa trường dữ liệu; định danh lô/sê-ri; kết nối kết quả đánh giá.	Bộ Công an; đơn vị công nghệ
Gián đoạn lưu thông trong thời kỳ chuyển tiếp	Trung bình	Trung bình	Điều khoản chuyển tiếp rõ; công nhận kết quả còn hiệu lực; công bố sớm hướng dẫn và thời điểm áp dụng.	Cơ quan ban hành
Thông báo WTO/TBT không phản ánh bản dự thảo cuối	Cao nếu không cập nhật	Trung bình	Cập nhật G/TBT/N/VNM/400; cung cấp bản dự thảo mới và thời hạn góp ý phù hợp.	Đầu mối TBT; cơ quan soạn thảo

VII. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình chuyển tiếp

- Quy định thời gian chuyển tiếp tối thiểu 06 tháng để doanh nghiệp, tổ chức đánh giá sự phù hợp và cơ quan quản lý chuẩn bị điều kiện thực hiện.

- Quy định rõ giá trị chuyển tiếp của kết quả kiểm định, thử nghiệm, chứng nhận và hồ sơ đã được cấp hoặc lập theo quy định trước thời điểm QCVN mới có hiệu lực.

- Đối với sản phẩm đã lưu thông, chỉ yêu cầu đánh giá lại khi có thay đổi ảnh hưởng đến sự phù hợp, kết quả hết hiệu lực hoặc cơ quan hậu kiểm phát hiện dấu hiệu rủi ro.

2. Hướng dẫn và truyền thông

- Ban hành tài liệu hướng dẫn phân loại sản phẩm, lựa chọn tiêu chuẩn, phương thức đánh giá, xác định phạm vi đại diện và xử lý thay đổi sản phẩm.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp, phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận và hiệp hội ngành nghề.

- Công khai câu hỏi thường gặp, biểu mẫu dữ liệu kê khai, danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp và thông tin sản phẩm bị đình chỉ, thu hồi.

3. Nâng cao năng lực đánh giá sự phù hợp

- Khảo sát khoảng trống năng lực thử nghiệm đối với 25 loại phương tiện mới và lập kế hoạch đầu tư theo mức độ ưu tiên, nhu cầu thị trường.

- Hỗ trợ phòng thử nghiệm xây dựng phương pháp, xác nhận giá trị sử dụng, liên kết chuẩn đo lường và mở rộng phạm vi công nhận.

- Xây dựng quy trình xác minh chứng nhận, báo cáo thử nghiệm và phạm vi công nhận của tổ chức nước ngoài.

4. Tăng cường hậu kiểm dựa trên rủi ro

- Ưu tiên sản phẩm rủi ro cao, sản phẩm có lịch sử không phù hợp, sản phẩm có phản ánh của người dùng hoặc có dấu hiệu bất thường về giá, nhãn, tài liệu.

- Kết hợp kiểm tra hồ sơ, xác minh dữ liệu và lấy mẫu thử nghiệm; tránh kiểm tra dàn trải, trùng lặp.

- Thiết lập cơ chế cảnh báo, thu hồi, công khai và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý.

5. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu và truy xuất nguồn gốc

- Bổ sung chức năng kê khai phương tiện trên cơ sở dữ liệu PCCC, CNCH hiện có; không xây dựng hệ thống tách rời nếu có thể tích hợp.

- Chuẩn hóa mã định danh sản phẩm, kiểu/mã hiệu, nhà sản xuất, cơ sở sản xuất, số lô/sê-ri, tiêu chuẩn áp dụng và kết quả đánh giá.

- Bảo đảm dữ liệu có thể sử dụng cho kiểm tra nhà nước, hậu kiểm, thu hồi và thống kê chính sách.

6. Thực hiện nghĩa vụ minh bạch quốc tế

Cơ quan soạn thảo phối hợp đầu mối TBT quốc gia cập nhật nội dung phản hồi thông báo G/TBT/N/VNM/400; cung cấp dự thảo mới, giải trình thay đổi về phạm vi và cơ chế quản lý, đồng thời tiếp nhận, xử lý ý kiến của thành viên WTO theo quy định.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Việc ban hành QCVN 03:202x/BCA thay thế QCVN 03:2023/BCA là cần thiết để đồng bộ với cơ chế quản lý chất lượng theo mức độ rủi ro, bãi bỏ cấp phép lưu thông và chuyển sang đánh giá sự phù hợp, kê khai thông tin, hậu kiểm.

Dự thảo QCVN 03:202x/BCA đã quy định 57 loại phương tiện và 01 nhóm yêu cầu chung về đường truyền vô tuyến với 483 chỉ tiêu kỹ thuật; bổ sung 25 loại phương tiện mới, soát xét 32 loại đã có và loại khỏi phạm vi 09 loại không còn thuộc danh mục quản lý. Hệ thống quản lý được hoàn thiện từ khâu thử nghiệm, lấy mẫu, đánh giá kết quả đến chứng nhận, công bố hợp quy, giám sát, ghi nhãn và truy xuất.

Kết quả đánh giá cho thấy lợi ích về an toàn, phù hợp pháp lý, giảm thủ tục hành chính, minh bạch thị trường và hội nhập quốc tế vượt trội so với chi phí chuyển đổi. Các rủi ro của cơ chế hậu kiểm có thể kiểm soát nếu cơ sở dữ liệu, năng lực hậu kiểm và việc xác minh kết quả đánh giá sự phù hợp được triển khai đồng bộ.

2. Kiến nghị

- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, tổ chức thẩm định và trình ban hành QCVN 03:202X/BCA theo quy định.

- Bảo đảm thời điểm có hiệu lực đồng bộ với văn bản sửa đổi Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và quy định quản lý chất lượng có liên quan.

- Quy định lộ trình chuyển tiếp tối thiểu 06 tháng; công bố sớm hướng dẫn kỹ thuật, dữ liệu kê khai và kế hoạch hậu kiểm.

- Nâng cấp cơ sở dữ liệu, tăng cường năng lực phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận và cán bộ quản lý.

- Cập nhật thông báo WTO/TBT đối với bản dự thảo và nghiên cứu thúc đẩy các cơ chế thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp với đối tác phù hợp.

- Sau 12 tháng thực hiện, tổ chức đánh giá sơ kết về chi phí tuân thủ, năng lực thử nghiệm, tình hình sản phẩm không phù hợp và hiệu quả hậu kiểm để kịp thời điều chỉnh.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG BAN BIÊN SOẠN

Thượng tá Đào Mạnh Hà